TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/DS – ST
Ngày: 08/6/2022
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Thư ký Tòa án: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Tuyết Vân - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**
Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 A, Phường A1, Quận A2, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật : Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ : Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương A (Theo các Giấy ủy quyền số 565/2020/GUQ-CNBT ngày 03/3/2020 và Giấy ủy quyền số 461/2021/GUQ-CNBT ngày 31/12/2021) (xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Trần Văn N**, sinh năm: 1971(vắng mặt)
Địa chỉ: 493A/44/6 B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/03/2020 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Trương A trình bày:

Ngân hàng và ông Trần Văn N thỏa thuận ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được phê duyệt ngày 17/11/2015 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Trần Văn N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Văn N đã thực hiện các giao dịch từ tháng 11/2015 đến ngày 31/5/2016 với tổng số tiền là 25.337.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.117.500 đồng, trong đó tiền gốc là 13.052.737 đồng và lãi là 2.064.763 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/9/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng S yêu cầu ông N phải trả ngay toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 08/6/2022 là 50.398.915đồng (trong đó tiền gốc là 13.869.856 đồng, tiền lãi là 36.529.059 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/6/2022 cho đến ngày trả hết nợ theo qui định của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/11/2015.

***** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Trần Văn N đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B2 phát biểu:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng S, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn được xác định tại Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B2 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định:

Ngân hàng S và ông Trần Văn N có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo (ông N ký và Ngân hàng xác nhận ngày 17/11/2015). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch thẻ từ tháng 11/2015 đến ngày 31/5/2016 với tổng số tiền là 25.337.000 đồng; đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.117.500 đồng, trong đó tiền gốc là trong đó tiền gốc là 13.052.737 đồng và lãi là 2.064.763 đồng. Số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/9/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo, đồng thời căn cứ chi tiết giao dịch và thanh toán nợ thể hiện tại bản Tóm tắt sao kê ngày 08/6/2022 thì tính đến ngày xét xử ông N còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền là 50.398.915 đồng (trong đó tiền gốc là 13.869.856 đồng, tiền lãi trong hạn là 24.353.155 đồng, tiền lãi quá hạn là 12.175.904 đồng).

Xét thấy việc ông N có sử dụng dịch vụ thẻ của Ngân hàng, sử dụng thẻ tín dụng để chi tiêu nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nên việc Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu buộc ông N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở.

Về số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đã được nguyên đơn tính đúng theo thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ tính đến ngày xét xử và toàn

bộ tiền lãi phát sinh tiếp tục tính đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông N có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu tổng cộng là 50.398.915 đồng (trong đó tiền gốc là 13.869.856 đồng, tiền lãi trong hạn là 24.353.155 đồng, tiền lãi quá hạn là 12.175.904 đồng).

[4] Về án phí: Ông Trần Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng S là 2.519.946 đồng. Trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B2 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1.1. Ông Trần Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa ông Trần Văn N và Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do ông N ký và Ngân hàng Thương mại cổ phần S xác nhận ngày 17/11/2015 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo) số tiền là 50.398.915 đồng (năm mươi triệu ba trăm chín mươi tám ngàn chín trăm mười lăm đồng) (Trong đó tiền gốc là 13.869.856 đồng, tiền lãi trong hạn là 24.353.155 đồng, tiền lãi quá hạn là 12.175.904 đồng)

1.2. Việc thanh toán tiền được thực hiện một lần tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh Lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì Lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho

vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh Lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 2.519.946 đồng (hai triệu năm trăm mười chín ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng) do ông Trần Văn N chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 995.584 đồng (chín trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm tám mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0049730 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S, ông Trần Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP -VKSNDTP;
- VSKND Quận 10;
- Chi cục THA Dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN PHIÊN TÒA**